

Số: *01/2019/QĐ-UBND*

Nam Định, ngày 07 tháng 01 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28/3/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2307/TTr-STC ngày 23 tháng 10 năm 2018 và Báo cáo thẩm định số 189/BC-STP ngày 18/10/2018 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17/01/2019 và thay thế Quyết định số 09/2009/QĐ-UBND ngày 16/4/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành Quy định quản lý giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Website: UBND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VP1, VP6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự

QUY ĐỊNH

Về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về bình ổn giá, đăng ký giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá và thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Các quy định về quản lý giá không quy định trong Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, trường hợp thực hiện bình ổn giá, biện pháp bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá, cụ thể:

- a) Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;
- b) Điện bán lẻ;
- c) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);
- d) Phân đạm urê, phân NPK;
- đ) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;
- e) Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;
- g) Muối ăn;
- h) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;
- i) Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;
- k) Thóc, gạo tẻ thường;

1) Thuộc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Trường hợp thực hiện bình ổn giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

3. Các biện pháp bình ổn giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Giá và Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Điều 4. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì cùng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng và tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định.

2. Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công;

b) Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

Điều 5. Đăng ký giá

1. Hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá.

Hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá là các mặt hàng cụ thể thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá.

2. Đối tượng đăng ký giá.

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá phải thực hiện lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này trước khi định giá, điều chỉnh giá;

b) Việc đăng ký giá thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một điều của Luật Giá và Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc thông báo danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá; tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá và đối tượng thực hiện đăng ký giá.

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i

và điểm k khoản 1 Điều 3 Quy định này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Quy định này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Quy định này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này trên địa bàn huyện đối với tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh;

e) Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình UBND tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm lập, thẩm định và trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng lập phương án giá báo cáo cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực để tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; riêng đối với việc thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Sở Tài chính.

a) Thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh;

- Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh;

- Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh;

- Giá nước sạch sinh hoạt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Bảng giá các loại đất;

b) Giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;

c) Giá đất cụ thể phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh;

d) Giá cụ thể đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;

đ) Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Sở Xây dựng xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

b) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

c) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

d) Giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

e) Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định của Luật Nhà ở ngày 25/11/2014 của Chính phủ.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định: Giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

6. Sở Giao thông và Vận tải xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

b) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

c) Giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

d) Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

đ) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển.

7. Sở Công thương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

8. Đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật; các loại hàng hóa, dịch vụ khác chưa có trong Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Giá, cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh. Trong trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại tỉnh khác và hai bên cùng thống nhất đề nghị thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương khi bên bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Thành phần tham gia hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính tỉnh Nam Định; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Nam Định.

4. Hồ sơ, trình tự tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 9. Kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Dịch vụ tại cảng biển;

g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

h) Cước vận chuyên hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;

i) Sách giáo khoa;

k) Dịch vụ vận chuyên hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

n) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt;

q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc thông báo danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá; tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá và đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h, điểm i và điểm o khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

b) Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

c) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, điểm k và điểm m khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều này;

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m, điểm n và điểm o khoản 1 Điều này trên địa bàn huyện đối với tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh;

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá;

g) Định kỳ vào ngày 01/7 và ngày 31/12 hàng năm, cơ quan tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá có trách nhiệm tổng hợp các mức giá kê khai, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi và giám sát.

3. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá, quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong kê khai giá: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính; riêng kê khai giá cước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải.

Điều 10. Niêm yết giá

Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện niêm yết giá theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật Giá, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Chương IV

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 11. Phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá nhà nước trong các trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

2. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cụ thể như sau:

Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá trị mua từ 100 triệu đồng trở lên/lần mua, sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan tài chính thẩm định có ý kiến bằng văn bản làm căn cứ cho các đơn vị mua sắm.

Điều 12. Phân công thẩm định giá của nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định giá và gửi văn bản thẩm định giá cho các đơn vị thực hiện mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định này.

a) Các đơn vị dự toán cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Các đơn vị dự toán cấp huyện, cấp xã có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên trên một lần mua sắm trong phạm vi dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã).

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố có trách nhiệm thẩm định giá và gửi văn bản thẩm định giá cho các đơn vị thực hiện:

Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định này của các đơn vị dự toán cấp huyện, cấp xã có giá trị dưới 200 triệu đồng trên một lần mua sắm trong phạm vi dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã).

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một lần mua sắm trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

4. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự

QUY ĐỊNH

Về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Nam Định

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 01/2019/QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về bình ổn giá, đăng ký giá, định giá, hiệp thương giá, kê khai giá, niêm yết giá và thẩm định giá của nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định.

2. Các quy định về quản lý giá không quy định trong Quy định này thực hiện theo quy định tại Luật Giá năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, trường hợp thực hiện bình ổn giá, biện pháp bình ổn giá

1. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá, cụ thể:

a) Xăng, dầu thành phẩm tiêu thụ nội địa ở nhiệt độ thực tế bao gồm: xăng động cơ (không bao gồm xăng máy bay), dầu hỏa, dầu điêzen, dầu mazut;

b) Điện bán lẻ;

c) Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG);

d) Phân đạm urê, phân NPK;

đ) Thuốc bảo vệ thực vật, bao gồm: thuốc trừ sâu, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ cỏ;

e) Vac-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm;

g) Muối ăn;

h) Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi;

i) Đường ăn, bao gồm đường trắng và đường tinh luyện;

k) Thóc, gạo tẻ thường;

1) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người thuộc danh mục thuốc chữa bệnh thiết yếu sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2. Trường hợp thực hiện bình ổn giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

3. Các biện pháp bình ổn giá: Thực hiện theo quy định tại Điều 17 Luật Giá và Điều 7 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Điều 4. Thẩm quyền, trách nhiệm quyết định áp dụng và thực hiện biện pháp bình ổn giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì cùng các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện) tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định áp dụng và tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo quy định.

2. Các Sở, ngành, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

a) Triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá theo ngành, lĩnh vực quản lý và nhiệm vụ được phân công;

b) Tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với Sở Tài chính kiểm tra việc chấp hành quy định của nhà nước về bình ổn giá đối với các mặt hàng thuộc ngành, lĩnh vực quản lý trong thời gian áp dụng biện pháp bình ổn giá.

Điều 5. Đăng ký giá

1. Hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá.

Hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá là các mặt hàng cụ thể thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian Nhà nước áp dụng biện pháp đăng ký giá để bình ổn giá.

2. Đối tượng đăng ký giá.

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá phải thực hiện lập Biểu mẫu đăng ký giá gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này trước khi định giá, điều chỉnh giá;

b) Việc đăng ký giá thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một điều của Luật Giá và Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/4/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.

3. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc thông báo danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá; tiếp nhận, rà soát biểu mẫu đăng ký giá và đối tượng thực hiện đăng ký giá.

a) Sở Tài chính tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i

và điểm k khoản 1 Điều 3 Quy định này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

b) Sở Công Thương tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 3 Quy định này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

c) Sở Y tế tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều 3 Quy định này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này trên địa bàn huyện đối với tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh;

e) Định kỳ vào ngày 01/7 hàng năm hoặc theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền tiếp nhận đăng ký giá chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế và các cơ quan chuyên môn của tỉnh rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức, cá nhân đăng ký giá thuộc thẩm quyền quản lý gửi Sở Tài chính tổng hợp, chủ trì tham mưu và trình UBND tỉnh thông báo điều chỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân đăng ký giá trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định giá

Ủy ban nhân dân tỉnh quy định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11/11/2016 của Chính phủ và giá hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

Điều 7. Trách nhiệm lập, thẩm định và trình phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng hoặc chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng lập phương án giá báo cáo cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực để tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; riêng đối với việc thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất thì thực hiện theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Sở Tài chính.

a) Thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh do các cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực xây dựng.

b) Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

- Hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất hàng năm trên địa bàn tỉnh;

- Tỷ lệ phần trăm (%) để tính đơn giá thuê đất, đơn giá thuê đất để xây dựng công trình ngầm, đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh;

- Đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh;

- Giá nước sạch sinh hoạt.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Bảng giá các loại đất;

b) Giá đất cụ thể để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành;

c) Giá đất cụ thể phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng trên địa bàn tỉnh;

d) Giá cụ thể đối với dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ;

đ) Giá tối đa đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

4. Sở Xây dựng xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá bồi thường, hỗ trợ thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Nam Định;

b) Giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà ở công vụ được đầu tư xây dựng từ ngân sách Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước theo quy định của pháp luật về nhà ở;

c) Giá cho thuê tài sản Nhà nước là công trình kết cấu hạ tầng đầu tư từ nguồn ngân sách địa phương;

d) Giá tối đa đối với dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

e) Khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định của Luật Nhà ở ngày 25/11/2014 của Chính phủ.

5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định: Giá các loại rừng bao gồm rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu.

6. Sở Giao thông và Vận tải xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá tối đa đối với: Dịch vụ sử dụng đường bộ do địa phương quản lý các dự án đầu tư xây dựng đường bộ để kinh doanh; dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

b) Khung giá đối với: Dịch vụ sử dụng đò, phà được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container) do địa phương quản lý; dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý;

c) Giá cụ thể đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

d) Giá tối đa đối với dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

đ) Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hóa thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ ngân sách địa phương và trung ương; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển.

7. Sở Công thương xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định:

a) Giá cụ thể đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Giá tối đa đối với dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước.

8. Đối với giá sản phẩm, dịch vụ công ích, dịch vụ sự nghiệp công và hàng hóa, dịch vụ được địa phương đặt hàng, giao kế hoạch sản xuất, kinh doanh sử dụng ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật; các loại hàng hóa, dịch vụ khác chưa có trong Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 8. Hiệp thương giá

1. Hiệp thương giá thực hiện đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật Giá, cụ thể như sau:

a) Hàng hóa, dịch vụ không thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá;

b) Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, kinh doanh trong điều kiện đặc thù hoặc có thị trường cạnh tranh hạn chế; có tính chất độc quyền mua hoặc độc quyền bán hoặc bên mua, bên bán phụ thuộc nhau không thể thay thế được.

2. Sở Tài chính chủ trì tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ được quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

a) Khi có yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Khi có đề nghị của bên mua hoặc bên bán hoặc cả hai bên mua và bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh. Trong trường hợp bên mua và bên bán có trụ sở đóng tại tỉnh khác và hai bên cùng thống nhất đề nghị thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương; trường hợp không thống nhất được thì Sở Tài chính chủ trì hiệp thương khi bên bán có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

3. Thành phần tham gia hiệp thương giá

Thành phần tham gia hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính tỉnh Nam Định; đại diện bên mua, bên bán; đại diện của cơ quan quản lý chuyên ngành và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính tỉnh Nam Định.

4. Hồ sơ, trình tự tổ chức hiệp thương giá thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương III

KÊ KHAI GIÁ, NIÊM YẾT GIÁ

Điều 9. Kê khai giá

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc diện kê khai giá:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy định này trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp đăng ký giá;

b) Xi măng, thép xây dựng;

c) Than;

d) Thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm và thủy sản; thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

đ) Giấy in, viết (dạng cuộn), giấy in báo sản xuất trong nước;

e) Dịch vụ tại cảng biển;

g) Dịch vụ chuyên ngành hàng không thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

h) Cước vận chuyên hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng, ghế ngồi mềm;

i) Sách giáo khoa;

k) Dịch vụ vận chuyên hành khách hàng không nội địa thuộc danh mục nhà nước quy định khung giá;

l) Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân; khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của nhà nước;

m) Cước vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ; cước vận tải hành khách bằng taxi;

n) Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định của Bộ Y tế;

o) Etanol nhiên liệu không biến tính; khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG);

p) Dịch vụ điều hành giao thông vận tải đường sắt;

q) Hàng hóa, dịch vụ khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị trong việc thông báo danh sách tổ chức, cá nhân kê khai giá; tiếp nhận, rà soát biểu mẫu kê khai giá và đối tượng thực hiện kê khai giá:

a) Sở Tài chính tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm h, điểm i và điểm o khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

b) Sở Công Thương tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm n khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

c) Sở Giao thông vận tải tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm g, điểm k và điểm m khoản 1 Điều này đối với tổ chức, cá nhân do cấp tỉnh cấp phép kinh doanh;

d) Sở Y tế tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm l khoản 1 Điều này;

đ) Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện tiếp nhận văn bản kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm i, điểm k, điểm l, điểm m, điểm n và điểm o khoản 1 Điều này trên địa bàn huyện đối với tổ chức, cá nhân do cấp huyện cấp phép kinh doanh;

e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá quy định tại khoản 3 Điều 5 Quy định này có trách nhiệm tiếp nhận văn bản kê khai giá;

g) Định kỳ vào ngày 01/7 và ngày 31/12 hàng năm, cơ quan tiếp nhận, rà soát văn bản kê khai giá có trách nhiệm tổng hợp các mức giá kê khai, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi và giám sát.

3. Cách thức thực hiện và tiếp nhận kê khai giá, quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong kê khai giá: Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính; riêng kê khai giá cước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải.

Điều 10. Niêm yết giá

Các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện niêm yết giá theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Luật Giá, Điều 17 và Điều 18 Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ.

Chương IV

THẨM ĐỊNH GIÁ CỦA NHÀ NƯỚC

Điều 11. Phạm vi hoạt động thẩm định giá của nhà nước

1. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện thẩm định giá nhà nước trong các trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b và điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá.

2. Trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cụ thể như sau:

Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá trị mua từ 100 triệu đồng trở lên/lần mua, sau khi đã thuê doanh nghiệp thẩm định giá, cơ quan tài chính thẩm định có ý kiến bằng văn bản làm căn cứ cho các đơn vị mua sắm.

Điều 12. Phân công thẩm định giá của nhà nước

1. Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định giá và gửi văn bản thẩm định giá cho các đơn vị thực hiện mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định này.

a) Các đơn vị dự toán cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Các đơn vị dự toán cấp huyện, cấp xã có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên trên một lần mua sắm trong phạm vi dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã).

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố có trách nhiệm thẩm định giá và gửi văn bản thẩm định giá cho các đơn vị thực hiện:

Mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Quyết định này của các đơn vị dự toán cấp huyện, cấp xã có giá trị dưới 200 triệu đồng trên một lần mua sắm trong phạm vi dự toán chi ngân sách hàng năm hoặc dự toán bổ sung được các cấp có thẩm quyền phê duyệt (thuộc ngân sách cấp huyện, cấp xã).

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ nhằm duy trì hoạt động thường xuyên có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một lần mua sắm trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao.

4. Các trường hợp khác thực hiện theo quy định của Luật Giá, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Giá và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Ngô Gia Tự